

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2905**/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 5 năm 2018

V/v tổng hợp dự án di
dời dân cư khẩn cấp do
ảnh hưởng của thiên tai trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
năm 2016 - 2017

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 4292
	Ngày: 25/5/18
	Chuyên:



Kính gửi: Tổng cục Phòng chống thiên tai

Theo đề nghị của Tổng cục Phòng chống thiên tai tại Công văn số 486/PCTT-UPKP ngày 09/5/2018 về việc tổng hợp các dự án di dời dân cư khẩn cấp do ảnh hưởng thiên tai năm 2016 - 2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo như sau:

1. Tổng hợp, đề xuất các dự án di dân cấp bách do ảnh hưởng của thiên tai năm 2016 – 2017

- a) Tổng số dự án: 10 dự án, trong đó:
- Huyện Ba Tư: 02 điểm tái định cư tập trung;
 - Huyện Sơn Tây: 03 điểm tái định cư tập trung;
 - Huyện Trà Bồng: 01 điểm tái định cư tập trung;
 - Huyện Sơn Hà: 02 điểm tái định cư tập trung;
 - Huyện Tây Trà: 02 điểm tái định cư tập trung.
- b) Tổng số hộ phải di dời: 302 hộ dân;
- c) Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 128,8 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

2. Tài liệu gửi kèm theo

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo các nội dung quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư công và Điều 53 Luật Xây dựng.

3. Đầu mối liên hệ phối hợp thực hiện trong quá trình lập dự án

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 264 Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi

Liên hệ: Ông Từ Văn Tám, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0932.530.888

Email: tuvantam@gmail.com

4. Kiến nghị

Trong 02 năm 2016 – 2017, Trung ương chưa bố trí nguồn vốn đầu tư các dự án di dời dân vùng thiên tai cho tỉnh Quảng Ngãi trong khi ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, việc thực hiện đầu tư các dự án vẫn chủ yếu dựa vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Tình hình thiên tai do biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của người dân nông thôn, đặc biệt là các tỉnh duyên hải miền Trung nhưng nguồn vốn dành cho Chương trình 1776/QĐ-TTg ngày 21/12/2012 còn quá thấp so với yêu cầu mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng do thiên tai, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Tổng cục Phòng chống thiên tai xem xét tổng hợp, đề xuất cấp thẩm quyền quan tâm hỗ trợ nguồn vốn để Quảng Ngãi có điều kiện thực hiện hoàn thành các dự án bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Tổng cục Phòng chống thiên tai xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
Các công trình nông nghiệp;
- VPUB, CVP, PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, pNNTNlesang123

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Tăng Bính



Di dời dân khẩn cấp phòng chống thiên tai năm 2016, 2017 tỉnh Quảng Ngãi

NG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DI DÂN KHẨN CẤP

Đông văn số 2905/UBND ngày 29 / 5 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án (đề xuất)	Địa điểm (xã, huyện)	Diện tích khu tái định cư (ha)	Nhân Khẩu (người)	Số hộ (hộ)				Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Tập trung	Xen ghép	Tại chỗ	Tổng kinh phí	Trung ương	Địa phương	
I	Các dự án đã có trong quy hoạch ổn định dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012											
II	Các dự án di dân cấp bách phòng chống thiên tai không nằm trong quy hoạch ổn định dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012		23,79	1494	302	302			128.800	128800		
I	HUYỆN BA TƠ		2,82	110	22	22			12500	12500		
1	Khu dân cư xóm Sa Lung, thôn Cây Muối, xã Ba Trang, huyện Ba Tơ	xã Ba Trang, huyện Ba Tơ	1,35	50	10	10			8.500	8.500		
2	Khu tái định cư thôn Kà La, xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ	xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ	1,47	60	12	12			4.000	4.000		
II	HUYỆN SƠN TÂY		8,545	602	120	120			54.000	54000		
1	Di dời dân khu dân cư ĐÁK RỎ, thôn Ra Nhua, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	2,4	225	45	45			20.000	20.000		Tiêu chí 2
2	Di dời khu dân cư ĐÁK DÉP, thôn Hà Lên, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây	xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây	1,925	127	25	25			12.000	12.000		Tiêu chí 2

3	Di dời khu dân cư Nước Toa, xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	4,22	250	50	50			22.000	22.000		Tiêu chí 2
III	HUYỆN TRÀ BÔNG		2,025	107	25	25			8300	8300		
1	Dự án khu dân cư Thôn 1, xã Trà Giang, huyện Trà Bông	xã Trà Giang, huyện Trà Bông	2,025	107	25	25			8.300	8.300		Tiêu chí 2
IV	HUYỆN SƠN HÀ		2,4	205	41	41		0	17000	17000		
1	Di dời dân khỏi vùng sạt lở đất, khu dân cư nội trú thôn Làng Bò, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	1,2	105	21	21			10.000	10.000		Tiêu chí 2
2	Điểm Tái định cư Đồi Hoàng Vơ, thôn Tà Pa, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	1,2	100	20	20			7.000	7.000		Tiêu chí 2
V	HUYỆN TÂY TRÀ		8	470	94	94			37.000	37000		
1	Khu tái định cư Đồi Sim, xã Trà Phong, huyện Tây Trà	xã Trà Phong, huyện Tây Trà	5,23	320	64	64			25.000	25.000		Tiêu chí 2
2	Khu tái định cư Cà La, xã Trà Xanh, huyện Tây Trà	xã Trà Xanh, huyện Tây Trà	2,77	150	30	30			12.000	12.000		Tiêu chí 2

Ghi chú về Tiêu chí và sắp xếp thứ tự ưu tiên:

- (1) Những vị trí đã xảy ra thiên tai, người dân chưa có chỗ ở (hiện đang phải ở tạm các lều bạt hoặc nhà khác);
- (2) Những vị trí đang xảy ra thiên tai có nguy cơ mất an toàn cao (có cảnh báo của chính quyền địa phương);
- (3) Những vị trí thường xuyên xảy ra thiên tai (đã xảy ra nhiều trong quá khứ);
- (4) Những vị trí có nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai (đã được cảnh báo nguy cơ nhưng chưa xảy ra hoặc ít xảy ra).



Chương án: Di dời dân khẩn cấp phòng chống thiên tai năm 2016, 2017 tỉnh Quảng Ngãi

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CÁC DỰ ÁN DI DÂN KHẨN CẤP

Quyết định số 2905/UBND ngày 29 / 5 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Tổng kinh phí	Chi phí xây dựng							Chi phí khác	Chi phí đền bù GPMB	Dự phòng
			Mặt bằng	Công trình giao thông	Công trình cấp nước	Công trình cấp điện	Đảm bảo an toàn thiên tai	Xây nhà	Hạ tầng khác			
TỔNG CỘNG		128.800	31.326	29.118	13.175	11.019	250	0	9.689	16.403	8.515	9.305
I	HUYỆN BA TƠ	12.500	3.109	2.778	1.734	974	0	0	495	1.964	530	916
1	Khu dân cư xóm Sa Lung, thôn Cây Muôi, xã Ba Trang, huyện Ba Tơ	8.500	1.403	1.914	1.140	908	0	0	495	1.413	500	727
2	Khu tái định cư thôn Kà La, xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ	4.000	1.706	864	594	66	0	0	0	551	30	189
II	HUYỆN SON TÂY	54.000	12.861	12.672	4.859	4.133	150	0	5.326	6.170	3.985	3.844
1	Di dời dân khu dân cư ĐẮK RỒ, thôn Ra Nhua, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	20.000	5.000	3.600	1.666	1.825	0	0	3.085	2.085	1.785	954
2	Di dời khu dân cư ĐẮK DẾP, thôn Hà Lên, xã Sơn Mậu, huyện Sơn Tây	12.000	2.950	1.120	1.825	975	150	0	1.500	1.300	1.200	980
3	Di dời khu dân cư Nước Toa, xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	22.000	4.911	7.952	1.368	1.333	0	0	741	2.785	1.000	1.910
III	HUYỆN TRÀ BÔNG	8.300	1.835	550	1.723	760	100	0	850	900	1.000	582
1	Dự án khu dân cư Thôn 1, xã Trà Giang, huyện Trà Bông	8.300	1.835	550	1.723	760	100	0	850	900	1.000	582
IV	HUYỆN SON HÀ	17.000	5.102	2.150	1.897	2.372	0	0	1.200	2.764	700	815
1	Di dời dân khỏi vùng sạt lở đất, khu dân cư nội trú thôn Làng Bò, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	10.000	2.830	1.400	1.085	1.481	0	0	600	1.575	550	479

2	Điểm Tái định cư Đồi Hoàng Vơ, thôn Tà Pa, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	7.000	2.272	750	812	891	0	0	600	1.189	150	336
V	HUYỆN TÂY TRÀ	37.000	8.419	10.968	2.962	2.780	0	0	2.188	4.605	2.300	3.148
1	Khu tái định cư Đồi Sim, xã Trà Phong, huyện Tây Trà	25.000	5.613	8.602	1.709	1.672	0	0	988	2.785	1.500	2.131
2	Khu tái định cư Cà La, xã Trà Xinh, huyện Tây Trà	12.000	2.806	2.366	1.253	1.108	0	0	830	1.820	800	1.017

Tiểu dự án: Di dời dân khẩn cấp phòng chống thiên tai năm 2016, 2017 tỉnh Quảng Ngãi



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CÁC DỰ ÁN DI DỜI DÂN KHẨN CẤP

theo Công văn số 2905/UBND ngày 24 / 5 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	ĐƠN VỊ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	HUYỆN BA TƠ			12.500	
1	Khu dân cư xóm Sa Lung, thôn Cây Muối, xã Ba Trang, huyện Ba Tư			8.500	
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,35	1.403	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	0,5	1.914	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.140	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	908	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0	
	- Xây nhà	CT	0	0	
	- Hạ tầng khác (01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	1	495	
	- Chi phí khác	TB	1	1.413	
	- Đền bù GPMB	TB	1	500	
	- Dự phòng	TB	1	727	
2	Khu tái định cư thôn Kà La, xã Ba Đình, huyện Ba Tư			4.000	
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,47	1.706	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	0,5	864	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	594	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	66	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0	

	- Xây nhà	CT	0	0
	- Hạ tầng khác	CT	0	0
	- Chi phí khác	TB	1	551
	- Đền bù GPMB	TB	1	30
	- Dự phòng	TB	1	189
II	HUYỆN SON TÂY			54.000
1	Di dời dân khu dân cư ĐẮK RÔ, thôn Ra Nhua, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây			20.000
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,2	5.000
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	1	3.600
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.666
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	1.825
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0
	- Xây nhà	CT	0	0
	- Hạ tầng khác (01 trường mẫu giáo và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	2	3.085
	- Chi phí khác	TB	1	2.085
	- Đền bù GPMB	TB	1	1.785
	- Dự phòng	TB	1	954
2	Di dời khu dân cư ĐẮK ĐÉP, thôn Hà Lên, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây			12.000
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,925	2.950
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	1	1.120
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.825
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	975
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	1	150
	- Xây nhà	CT	0	0

	- Hạ tầng khác (01 Trường mẫu giáo và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	2	1.500	
	- Chi phí khác	TB	1	1.300	
	- Đền bù GPMB	TB	1	1.200	
	- Dự phòng	TB	1	980	
3	Di dời khu dân cư Nước Toa, xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây			22.000	
	- San ủi mặt bằng	Ha	4,22	4.911	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	2	7.952	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.368	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	1.333	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0	
	- Xây nhà	CT	0	0	
	- Hạ tầng khác (01 Trường mẫu giáo và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	2	741	
	- Chi phí khác	TB	1	2.785	
	- Đền bù GPMB	TB	1	1.000	
	- Dự phòng	TB	1	1.910	
III	HUYỆN TRÀ BÔNG				
1	Dự án khu dân cư Thôn 1, xã Trà Giang, huyện Trà Bông			8.300	
	- San ủi mặt bằng	Ha	2,025	1.835	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	1	550	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.723	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	760	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	1	100	
	- Xây nhà	CT	0	0	
	- Hạ tầng khác (nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	1	850	

	- Chi phí khác	TB	1	900	
	- Đèn bù GPMB	TB	1	1.000	
	- Dự phòng	TB	1	582	
IV	HUYỆN SƠN HÀ				
1	Di dời dân khỏi vùng sạt lở đất, khu dân cư nội trú thôn Làng Bò, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà			10.000	
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,2	2.830	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	1,2	1.400	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.085	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	1.481	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0	
	- Xây nhà	CT	0	0	
	- Hạ tầng khác (01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	1	600	
	- Chi phí khác	TB	1	1.575	
	- Đèn bù GPMB	TB	1	550	
	- Dự phòng	TB	1	479	
2	Điểm Tái định cư Đồi Hoàng Vơ, xã Tà Pa, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà			7.000	
	- San ủi mặt bằng	Ha	1,2	2.272	
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	1,2	750	
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	812	
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	891	
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0	
	- Xây nhà	CT	0	0	
	- Hạ tầng khác (01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	1	600	
	- Chi phí khác	TB	1	1.189	
	- Đèn bù GPMB	TB	1	150	
	- Dự phòng	TB	1	336	

V HUYỆN TÂY TRÀ				
1	Khu tái định cư Đồi Sim, xã Trà Phong, huyện Tây Trà			25.000
	- San ủi mặt bằng	Ha	5,23	5.613
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	2,2	8.602
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.709
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	1.672
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0
	- Xây nhà	CT	0	0
	- Hạ tầng khác (01 Trường mẫu giáo và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	2	988
	- Chi phí khác	TB	1	2.785
	- Đền bù GPMB	TB	1	1.500
	- Dự phòng	TB	1	2.131
2	Khu tái định cư Cà La, xã Trà Xinh, huyện Tây Trà			12.000
	- San ủi mặt bằng	Ha	2,77	2.806
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Km	0,6	2.366
	- Đầu tư công trình cấp nước	CT	1	1.253
	- Đầu tư công trình cấp điện	CT	1	1.108
	- Đảm bảo an toàn thiên tai	CT	0	0
	- Xây nhà	CT	0	0
	- Hạ tầng khác (01 Trường mẫu giáo và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng)	CT	2	830
	- Chi phí khác	TB	1	1.820
	- Đền bù GPMB	TB	1	800
	- Dự phòng	TB	1	1.017